

Overall length	Thread length	Position on basic dia.	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ _g	D _s	K	ℓ _k

JIS

①

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills
Centering Tools

JIS

⑧-11

S-PT

Mũi Taro Dòng Hand Tap Dành Cho Ren Ống Côn, Loại (ℓ_g) Ngắn
(Hand Taps for Taper Pipe Threads Short (ℓ_g) Type)



Thông Số Kỹ Thuật



Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

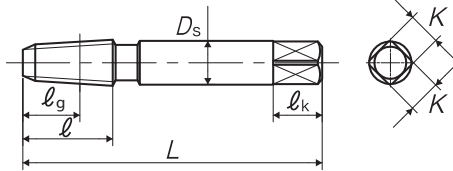
Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
~5
(m/min)

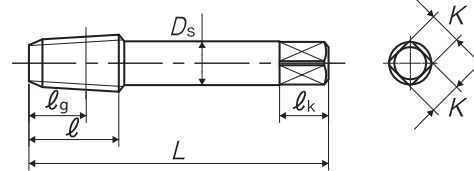
Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
合金鋼
~5
(m/min)

- S-PT là mũi taro ren ống côn dòng hand tap được sử dụng để taro ren khi cần rút ngắn chiều dài ống nổi và được sử dụng trong taro ren các sản phẩm giống như phụ kiện cho đường ống.

TYPE : 1



TYPE : 2



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ _g (mm)	D _s (mm)	K (mm)	ℓ _k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống (For Pipe Threads)													
PT 1/16-28	II	TSPT01K-8	2.5P	7.723	55	16.5	10.5	8	6	9	4	1	¥ 3,130
PT 1/8-28	II	TSPT02K	2.5P	9.728	55	16.5	10.5	8	6	9	4	2	¥ 3,130
PT 1/4-19	II	TSPT04-	2.5P	13.157	62	19.5	12.5	11	9	12	4	2	¥ 4,480
PT 3/8-19	II	TSPT06-	2.5P	16.662	65	21	14	14	11	14	4	2	¥ 7,360
PT 1/2-14	II	TSPT08Q	2.5P	20.955	80	27	17	18	14	17	4	2	¥ 12,100
PT 3/4-14	II	TSPT12Q	2.5P	26.441	85	29	19	23	17	20	4	2	¥ 20,000
PT 1 -11	II	TSPT16U	2.5P	33.249	95	35	22	26	21	24	5	2	¥ 36,800
PT 1 1/4-11	II	TSPT20U	2.5P	41.910	105	37.5	24.5	32	26	30	5	2	¥ 55,600
PT 1 1/2-11	II	TSPT24U	2.5P	47.803	110	38.5	25.5	38	29	32	6	2	¥ 77,800
PT 1 3/4-11	II	TSPT28U	2.5P	53.746	115	39.5	26.5	42	32	35	6	2	¥115,000
PT 2 -11	II	TSPT32U	2.5P	59.614	120	42.5	27.5	46	35	38	6	2	¥126,000
PT 2 1/2-11	II	TSPT40U	2.5P	75.184	145	47	32	55	41	44	8	2	¥212,000
PT 3 -11	II	TSPT48U	2.5P	87.884	155	51	36	65	50	52	8	2	¥318,000